

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 731/2025/DS-PT

Ngày: 19/9/2025

*“V/v tranh chấp về dân sự
chia thừa kế quyền sử dụng
đất”*

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Thọ

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thuý Hằng;

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Dạm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 19 tháng 09 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 435/2024/TLPT-DS ngày 21 tháng 10 năm 2024, về việc *“Tranh chấp về dân sự chia thừa kế quyền sử dụng đất”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2024/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (Nay là Khu vực 12 – Đồng Tháp) bị kháng cáo.

Theo thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 386/2025/TB-TA ngày 24 tháng 07 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 620/2025/QĐ-PT, ngày 14 tháng 09 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn:

1. Bà Lê Thị K, sinh năm 1959 (có mặt);

2. Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1946 (có mặt);

3. Ông Lê Văn K1, sinh năm 1945;

4. Ông Lê Văn O, sinh năm 1951 (có mặt);

5. Bà Lê Thị S, sinh năm 1957;

6. Bà Lê Thị C, sinh năm 1962;

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

7. Ông Lý Văn V, sinh năm 1949; (Vắng mặt)

8. Ông Đặng Văn H, sinh năm 1955 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn K1, bà Lê Thị C, bà Lê Thị S và ông Lý Văn V: Bà Lê Thị K; Địa chỉ: khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị K: Luật sư Lê Phi T, sinh năm 1956 – Văn phòng L3 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ; Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp;

- *Bị đơn:*

1. Bà Lê Thị N, sinh năm 1977 (có mặt);

2. Bà Lê Thị B, sinh năm 1974 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị N: Bà Lê Thị Bé T1, sinh năm: 1985; Địa chỉ: Số D Lô A, KDC C, khóm H, phường S, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị B: Anh Nguyễn Mai Thanh T2, sinh năm: 1996; Địa chỉ: Ấp P, xã T, tỉnh Đồng Tháp;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị N và bà Lê Thị B: Luật sư Lê Thị Vân L – Văn phòng L4, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: Số C, khóm H, phường S, tỉnh Đồng Tháp;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị T3 (Vắng mặt không lý do);

2. Anh Lê Văn N1 (Vắng mặt không lý do);

3. Anh Lê Văn N2 (Vắng mặt không lý do);

4. Anh Lê Văn T4 (Vắng mặt không lý do);

5. Bà Lê Thị Á, sinh năm 1970 (Vắng mặt có đơn);

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp;

6. Ông Lý Văn T5, sinh năm 1947 (Vắng mặt có đơn);

7. Ông Lý Văn T6, sinh năm 1966 (Vắng mặt có đơn);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

8. Bà Lê Thị L1, sinh năm 1963 (Vắng mặt có đơn);

Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

9. Bà Lê Thị H1, sinh năm 1963.

Địa chỉ cư trú: Khóm D, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị H1 (tại phiên toà ngày 19/9/2025): Anh Nguyễn Mai Thanh T2, sinh năm: 1996; cư trú tại: Ấp P, xã T, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt);

10. Bà Lê Thị R, sinh năm 1967 (Vắng mặt có đơn);

Địa chỉ cư trú: Khóm D, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

** Người kháng cáo: Bà Lê Thị N và bà Lê Thị B là bị đơn;*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Lê Thị K (Cũng là người đại diện hợp pháp của ông Lê Văn K1, bà Lê Thị C, bà Lê Thị S và ông Lý Văn V) trình bày:***

Trước đây, bà ngoại tên Nguyễn Thị C1 và ông ngoại tên Lê Văn C2. Trong thời gian chung sống có với nhau được 04 người con gồm: (1) Lê Văn P, sinh năm 1920 (chết năm 2008); (2) Lê Thị M, sinh năm 1923 (chết năm 2006); (3) Nguyễn Thị S1, sinh năm 1924 (chết năm 2016); (4) Lê Thị S2, sinh năm 1925 (chết năm 1995). Bà ngoại (Nguyễn Thị C1) được ông bà cho phần đất có chiều ngang 30m x dài 76m, đất tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện H (nay là khóm A, phường A, thành phố H), tỉnh Đồng Tháp. Khi đo đạc chia đất do cụ ông Nguyễn Văn N3 (ông T7 của các bên đương sự) là người đứng ra đo đạc cắt đất ra cho bà ngoại (Nguyễn Thị C1). Nói là cho bà ngoại (Nguyễn Thị C1), nhưng thực tế cụ ông Nguyễn Văn N3 cắt đất ra cho những người con của bà ngoại vì lúc này bà ngoại đã chết.

Khi cụ ông Nguyễn Văn N3 cắt chia phần diện tích đất xong, thì các con của bà ngoại yêu cầu chia di sản thừa kế của bà ngoại để lại. Lúc này, cụ ông Lê Văn P là người anh cả trong gia đình có bàn bạc với các em là con cháu càng ngày càng đông để phần đất này lại để làm đất mộ chung trong tông chi, khi nào em út con cháu ai chết mang vào chôn khỏi phải nhờ vả đất của người ta và không cho ai đăng ký quyền sử dụng riêng. Nhận thấy anh mình nói vậy cũng phải, anh chị em trong gia đình đều thống nhất vì anh chị em trong nhà đều có nơi ở sinh sống ổn định rồi, một phần cũng nghĩ là để lại gìn giữ phần đất tông chi. Sau đó, ông Lê Văn O (con bà Nguyễn Thị S1) cùng ông Lê Văn P vào đào đất đắp nền mộ, ông Lê Văn O thì trồng tre còn ông Lê Văn P thì trồng chuối. Do ông, bà ngoại đã chết, nhưng không để lại di chúc. Do đó, nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Cụ Lê Văn P, sinh năm 1920 (chết năm 2008) có vợ tên Nguyễn Thị T8, sinh năm 1925 (chết năm 2021) và có các con gồm: Lê Văn M1 (đã chết), Lê Thị L1, Lê Thị H1, Lê Thị R, Lê Thị Á, Lê Thị B, Lê Thị N. Trong đó, Lê Văn M1 có vợ tên Phạm Thị T3 và các con gồm: Lê Văn N1, Lê Văn N2, Lê Văn T4.

Cụ Lê Thị M, sinh năm 1923 (chết năm 2006) có chồng tên Đặng Văn L2 (đã chết) và có 01 người con tên Đặng Văn H.

Cụ Nguyễn Thị S1, sinh năm 1924 (chết năm 2016) có chồng tên Lê Văn Ở, sinh năm 1914 (đã chết) và có các con gồm: Lê Thị Đ, Lê Văn K1, Lê Văn O, Lê Thị S, Lê Thị K, Lê Thị C.

Cụ Lê Thị S2, sinh năm 1924 (chết năm 1995) có chồng tên Lý Văn Đ1, sinh năm 1921 (đã chết) và có các con gồm: Lý Văn T5, Lý Văn V, Lý Văn T6.

Đến năm 1994-1995, thì cụ Nguyễn Thị T8 (vợ của cụ Lê Văn P) chặt hết chuối, cất xây chuồng heo và ở luôn tại chuồng heo, đào ao nuôi cá không báo, không xin gì cả, đến năm 1997 thì cụ Nguyễn Thị T8 cất nhà ở luôn. Lúc này, chị em thấy không ổn có gặp cụ Lê Văn P hỏi thì cụ Lê Văn P nói là “chưa có ai chết tạm thời để cho vợ cụ nuôi heo và nuôi cá, khi nào tông chi cần thì vợ cụ sẽ lấp trả lại mặt bằng cho tông chi”, cụ Lê Văn P còn nói “do hai vợ chồng bất hoà, giận nhau nên vợ cụ che tạm hết giận cũng thu sếp lại về nhà lớn ở chứ ai ở trong đó làm gì”.

Năm 2004-2005, ông Lê Văn O là con của cụ Nguyễn Thị S1, do mẹ tuổi đã cao, sức yếu không biết chết khi nào, chết không có chỗ để an táng nên ông Lê Văn O nhiều lần đến gặp cụ Lê Văn P nói về phần đất trên thì cụ Lê Văn P có nói “gấp gấp gì chừng nào chết sẽ tính”.

Đến cuối năm 2007, thì cụ Lê Văn P chết, vợ con cụ không đem cụ vào chôn trên phần đất tông chi để chôn mà mang cụ ra phần đất nhà lớn của cụ chôn. Thấy tình hình không ổn nên cụ Nguyễn Thị S1 cùng chị em có đến gặp cụ Nguyễn Thị T8 yêu cầu cụ Nguyễn Thị T8 phải phân chia phần đất của tông chi cho các chị em trong gia đình.

Lúc này, cụ Nguyễn Thị T8 cũng thống nhất chia, khi tiến hành đo đạc chia có hàng xóm xung quanh chứng kiến và xuống cọc ranh rõ ràng, phần đất được chia làm 04 phần bằng nhau mỗi người con của bà ngoại hưởng một phần có chiều ngang 7,5m x dài 76m, gồm: Cụ Lê Văn P (chồng cụ Nguyễn Thị T8), cụ Lê Thị M, cụ Nguyễn Thị S1 và cụ Lê Thị S2. Khi đo đạc chia xong thì tất cả cùng về nhà của cụ Nguyễn Thị S1 nghỉ ngơi uống nước thì người cháu tên Lê Văn M1 (con của cụ Nguyễn Thị T8) ra chửi mắng cả họ nói “Tụi bây thằng nào con nào bước chân vào đất đó tao đâm bỏ mẹ tụi mày hết”. Do quá bức xúc cả họ tộc đã uỷ quyền lại cho bà Lê Thị K đến báo chính quyền địa phương, khi đến Ủy ban nhân dân Á1 thì cụ Nguyễn Thị T8 lại nghe lời con trai nói ngược sai sự thật hết mọi chuyện.

Bà Lê Thị K tiếp tục làm đơn khiếu nại gửi Ủy ban nhân dân xã, Phòng Tài nguyên và Môi trường của huyện nhưng đều hoà giải không thành; tiếp đó, bà Lê Thị K có gửi đến Thanh tra tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh thì UBND tỉnh có văn bản gửi cho Phòng T9 yêu cầu giải quyết vụ việc. Khi về làm việc lại với Phòng T9 có hướng dẫn bà Lê Thị K kiện ra Tòa án để được giải quyết vì vụ việc không thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng T9.

Sau khi được hướng dẫn thì gia đình bà Lê Thị K gặp sự cố, bà Lê Thị K phải chăm lo cho gia đình nên vụ việc kéo dài cho đến nay, cụ Nguyễn Thị T8 đã chết và để lại phần đất này cho 02 người con tên bà Lê Thị B và bà Lê Thị N trực tiếp quản lý, sử dụng.

Đối với yêu cầu phản tố, nguyên đơn thống nhất với một phần yêu cầu, thống nhất nếu những người được hưởng sẽ có trách nhiệm trả lại cho bà Lê Thị N, bà Lê Thị B số tiền 58.000.000 đồng (năm mươi tám triệu đồng), chia thành 04

phần = 14.500.000đồng (mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng), mỗi người được hưởng có trách nhiệm trả 01 phần.

Đối với yêu cầu công nhận toàn bộ quyền sử dụng đất đang tranh chấp cho cá nhân Lê Thị N đứng tên giấy chứng nhận, nguyên đơn không thống nhất.

*** Bà Lê Thị K yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất như sau:**

Các ông, bà: Lê Thị K, Lê Thị Đ, Lê Văn K1, Lê Văn O, Lê Thị S, Lê Thị C được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 440,4m², thuộc một phần thửa 1847, tờ bản đồ số 4 (bản đồ địa chính chính quy năm 2023), đất tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; yêu cầu nhận đất, không nhận giá trị đất, yêu cầu công nhận phần quyền sử dụng đất được chia cho cá nhân bà Lê Thị K đứng tên giấy chứng nhận.

Ông Lý Văn V được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 564,1m², thuộc một phần thửa 1847, tờ bản đồ số 4 (bản đồ địa chính chính quy năm 2023), đất tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; yêu cầu nhận đất, không nhận giá trị đất, yêu cầu công nhận phần quyền sử dụng đất được chia cho cá nhân ông Lý Văn V đứng tên giấy chứng nhận.

Ông Đặng Văn H được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 470,9m², thuộc một phần thửa 1847, tờ bản đồ số 4 (bản đồ địa chính chính quy năm 2023), đất tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; yêu cầu nhận đất, không nhận giá trị đất, yêu cầu công nhận phần quyền sử dụng đất được chia cho cá nhân ông Đặng Văn H đứng tên giấy chứng nhận.

Bà Lê Thị B và bà Lê Thị N được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 795,1m².

- **Nguyên đơn là ông Lê Văn O trình bày:** Thống nhất lời trình bày và yêu cầu của bà Lê Thị K. Ngoài ra, không ý kiến, yêu cầu gì thêm.

- **Nguyên đơn là bà Lê Thị Đ trình bày:** Thống nhất lời trình bày và yêu cầu của bà Lê Thị K. Ngoài ra, không ý kiến, yêu cầu gì thêm.

- **Nguyên đơn là ông Đặng Văn H trình bày:** Thống nhất theo lời trình bày của bà Lê Thị K; yêu cầu bị đơn phải chia thừa kế cho ông Đặng Văn H được hưởng quyền sử dụng đất diện tích 470,9m², thuộc một phần thửa 1847, tờ bản đồ số 4 (bản đồ địa chính chính quy năm 2023), đất tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; yêu cầu nhận đất, không nhận giá trị đất, yêu cầu công nhận phần quyền sử dụng đất được chia cho cá nhân ông Đặng Văn H đứng tên giấy chứng nhận.

*** Bị đơn là bà Lê Thị N, bà Lê Thị B trình bày:** Năm 1976, bà nội tên Nguyễn Thị C1 (đã chết), để lại quyền sử dụng đất diện tích 2,5 công đất rẫy, 06 công đất ruộng, thửa đất số 99, tờ bản đồ số 09 cho cha tên Lê Văn P quản lý, sử dụng và canh tác. Đến năm 1977, ông Nguyễn Văn N3 (còn gọi là ông T7 của các đương sự) chia phần của bà nội cho cha của bị đơn tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất ở thửa số 117, tờ bản đồ số 23. Năm 1992, các cô tên Lê Thị M, Nguyễn Thị

S1, Lê Thị S2 đứng ra chia phần. Ba của bị đơn được chia 2,5 công đất rẫy, còn các cô mỗi người được chia 02 công đất ruộng. Nhưng hiện nay, các cô lại cho rằng 2,5 công đất rẫy này không chia cho cha của bị đơn mà để lại là đất hương quả. Như vậy, cha của bị đơn không có phần đất nào cả. Còn phần đất thuộc thửa đất số 117, tờ bản đồ số 23 là đất đang tranh chấp hiện nay thì không chia, để cha của bị đơn tiếp tục canh tác cho đến nay. Năm 2007, bà Lê Thị K khiếu nại đến Phòng T9 huyện và tỉnh, kéo dài 2 – 3 năm, cuối cùng quyết định bác bỏ đơn khiếu nại của bà Lê Thị K, gia đình của bị đơn tiếp tục sử dụng. Cha của bị đơn đã canh tác đất này từ năm 1977 và khi cha của bị đơn chết năm 2007 và giao lại cho chị em của bị đơn tiếp tục quản lý, sử dụng cho đến nay.

Trên phần đất này, bị đơn có đổ cát, tôn tạo nền với tổng số tiền 58.000.000đồng (năm mươi tám triệu đồng).

Bị đơn thống nhất chỉ tranh chấp quyền sử dụng đất và số tiền đổ cát nền (sang lấp mặt bằng đất) nêu trên, ngoài ra không tranh chấp tài sản nào khác.

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không thống nhất, vì đây là đất của gia đình bị đơn.

- **Bị đơn có yêu cầu phản tố như sau:** Công nhận toàn bộ quyền sử dụng đất đang tranh chấp diện tích 2.270,5m², thửa đất số 1847, tờ bản đồ số 4 (bản đồ địa chính chính quy năm 2023), đất tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp cho cá nhân bà Lê Thị N đứng tên giấy chứng nhận; nếu Tòa án chia thừa kế cho nguyên đơn thì bị đơn yêu cầu mỗi người được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất diện tích nêu trên có trách nhiệm trả lại cho bị đơn với số tiền là 14.500.000đồng (Số tiền 58.000.000đồng : 04 phần = 14.500.000đồng).

*** Tại bản án dân sự sơ thẩm đã tuyên xử:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các ông, bà: Lê Thị K, Lê Thị Đ, Lê Văn K1, Lê Văn O, Lê Thị S, Lê Thị C được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 440,4m² (vị trí 1, trong phạm vi từ mốc 1, 15, 18, 13, 14 và trở về mốc 1), thuộc một phần thửa đất số 1847, tờ bản đồ số 4 (bản đồ địa chính chính quy năm 2023), đất tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Lý Văn V được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 564,1m² (vị trí 6, trong phạm vi từ mốc 6, 7, 8, 9, 10 và trở về mốc 6), thuộc một phần thửa đất số 1847, tờ bản đồ số 4 (bản đồ địa chính chính quy năm 2023), đất tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Đặng Văn H được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 470,9m² (vị trí 5, trong phạm vi từ mốc 6, 10, 17, 16 và trở về mốc 6), thuộc một phần thửa đất số 1847, tờ bản đồ số 4 (bản đồ địa chính chính quy năm 2023), đất tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Lê Thị N được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 795,1m² (vị trí 2, 3, 4, trong phạm vi từ mốc 15, 2, 3, 4, 5, 16, 17, 11, 12, 18 và trở về mốc

15), thuộc một phần thửa đất số 1847, tờ bản đồ số 4 (bản đồ địa chính chính quy năm 2023), đất tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Buộc bà Lê Thị B và bà Lê Thị N phải liên đới có trách nhiệm trả lại cho bà Lê Thị K, ông Lý Văn V, ông Đặng Văn H quyền sử dụng đất diện tích nêu trên.

Bà Lê Thị K, ông Lý Văn V, ông Đặng Văn H, bà Lê Thị N có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác lập thủ tục đăng ký, kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn đối với số tiền sang lấp mặt bằng.

Công nhận sự tự nguyện của các đương sự; bà Lê Thị K, ông Lý Văn V, ông Đặng Văn H, mỗi người thống nhất trả lại cho bà Lê Thị B và bà Lê Thị N với số tiền sang lấp mặt bằng là 14.500.000đồng (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 23 tháng 7 năm 2024, *bà Lê Thị N và bà Lê Thị B là bị đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số: 27/2024/DS-ST, ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp);* Bà N và bà B yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Áp dụng thời hiệu khởi kiện chia thừa kế đối với vụ án; Công nhận cho các bà N, B được tiếp tục quản lý sử dụng và công nhận cho bà N, bà B được quyền sử dụng và đăng ký toàn bộ diện tích 2.270,5m², thuộc thửa đất số 1847, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Tại đơn kháng cáo bổ sung đề ngày 06/12/2024 bà Lê Thị N và bà Lê Thị B yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm.

*** *Tại phiên tòa phúc thẩm:***

- Bà Lê Thị N và bà Lê Thị B là bị đơn: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đồng thời đề nghị huỷ án sơ thẩm do có vi phạm tố tụng và nội dung;

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Do cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng và nội dung nên đề nghị huỷ bản án sơ thẩm.

- Bà K, bà Đ, ông O không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn và yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm;

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà K trình bày: Không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn và yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm;

- Bà Lê Thị H1 yêu cầu: Đề nghị huỷ án sơ thẩm;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo chấp hành đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3, Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Huỷ bản án sơ thẩm số: 27/2024/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự (Nay là Khu vực 12), tỉnh Đồng Tháp và giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bà Lê Thị N và bà Lê Thị B đúng về hình thức, nội dung được nộp trong hạn luật định nên kháng cáo của bà Lê Thị N và bà Lê Thị B được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Về xét xử vắng mặt: Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có yêu cầu độc lập, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguồn gốc đất tranh chấp diện tích 2.270,5m² thuộc thửa 1847, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp là của cụ Nguyễn Thị C1 (chết năm 1976), khi chết không để lại di chúc. Các con của cụ Nguyễn Thị C1 gồm có: cụ Lê Văn P, cụ Lê Thị M, cụ Nguyễn Thị S1 và cụ Lê Thị S2 được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất bằng nhau; Tuy nhiên do các cụ đã chết nên hàng thừa kế thế vị của các cụ được hưởng phần thừa kế này.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì bà Lê Thị K, ông Lê Văn O, bà Lê Thị Đ và ông Đặng Văn H yêu cầu chia thừa kế và nhận di sản bằng quyền sử dụng đất cụ thể: Bà Lê Thị K diện tích 440,4m², ông Lý Văn V diện tích 564,1m², ông Đặng Văn H diện tích 470,9m² và bà Lê Thị N diện tích 795,1m².

[3] Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn và chia thừa kế như sau:

Hàng thừa kế của cụ Nguyễn Thị S1 gồm các ông, bà: Lê Thị K, Lê Thị Đ, Lê Văn K1, Lê Văn O, Lê Thị S, Lê Thị C được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 440,4m² (vị trí 1), thuộc một phần thửa đất số 1847, tờ bản đồ số 4 (bản đồ địa chính chính quy năm 2023), đất tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. Tuy nhiên, các ông, bà: Lê Thị Đ, Lê Văn K1, Lê Văn O, Lê Thị S, Lê Thị C đều thống nhất giao lại phần đất này cho bà Lê Thị K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hàng thừa kế của cụ Lê Thị S2 gồm các ông: Lý Văn T5, Lý Văn V, Lý Văn T6 được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 564,1m² (vị trí 6), thuộc một phần thửa đất số 1847, tờ bản đồ số 4 (bản đồ địa chính chính quy năm 2023),

đất tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. Tuy nhiên, các ông: Lý Văn T5, Lý Văn T6 không có ý kiến phản đối với yêu cầu của ông Lý Văn V. Do đó ông Lý Văn V đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hàng thừa kế của cụ Lê Thị M gồm có ông Đặng Văn H được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 470,9m² (vị trí 5), thuộc một phần thửa đất số 1847, tờ bản đồ số 4 (bản đồ địa chính chính quy năm 2023), đất tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Hàng thừa kế của cụ Lê Văn P gồm các ông, bà: Lê Văn M1 (đã chết), Lê Thị L1, Lê Thị H1, Lê Thị R, Lê Thị Á, Lê Thị B, Lê Thị N; thừa kế thế vị của ông Lê Văn M1 gồm có vợ tên Phạm Thị T3 và các con Lê Văn N1, Lê Văn N2, Lê Văn T4 được hưởng thừa kế nhiều hơn quyền sử dụng đất diện tích 795,1m² (vị trí 2, 3, 4);

Tuy nhiên, tại thời điểm giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm thì bà Lê Thị H1, người thừa kế của ông M1 gồm: bà Phạm Thị T3, anh Lê Văn N1, anh Lê Văn N2, anh Lê Văn T4 không có mặt tại địa phương, không rõ đang sống ở đâu (Theo văn bản xác nhận của chính quyền đại phương); Theo các đương sự trình bày những người này đang sống ở Thái Lan. Nhưng Toà án cấp sơ thẩm vẫn niêm yết và giải quyết vắng mặt họ là không đúng theo quy định, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Tại phiên toà phúc thẩm bà H1 có mặt không đồng ý theo bản án sơ thẩm tuyên, yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm để bà H1 yêu cầu chia thừa kế.

[4] Toà án cấp sơ thẩm căn cứ tờ thỏa thuận đề ngày 09/5/2020 để cho bà Lê Thị N được toàn quyền sử dụng và đi đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, do ông M1 đã chết nhưng những thừa kế của ông M1 chưa có ý kiến về việc này và tại phiên toà phúc thẩm bà H1 xác định không ký tên vào tờ thỏa thuận nêu trên. Nên Toà án cấp sơ thẩm giao cho bà N được toàn quyền sử dụng diện đất thừa kế 795,1m² là chưa phù hợp.

[5] Bản án sơ thẩm chia thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất nhưng chưa xem xét về quy định diện tích tối thiểu khi công nhận quyền sử dụng đất. Tại phiên toà phúc thẩm bà K xuất văn bản ý kiến của ông H và ông V có nội dung ông H, ông V đồng ý giao diện tích đất của 02 ông cho bà K để đủ diện tích tách thửa theo quy định. Tuy nhiên, 02 văn bản này không được chứng thực chữ ký nên không có căn cứ pháp lý để chứng minh là chữ ký của ông H, ông V; Đồng thời ông V cũng vắng mặt tại phiên toà nên không có đủ căn cứ xác định ý chí của ông H, ông V. Ngoài ra, phần thừa kế của bà S2 thì hàng thừa kế gồm ông V, ông T5, ông T6 nhưng ông T5, ông T6 chưa có ý kiến trong vụ án này. Mặt khác, nếu ông H và ông V giao đất cho bà K sử dụng thì ai có trách nhiệm trả tiền bơm cát cho bà N cũng không làm rõ được.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn và yêu cầu kháng cáo của bị đơn là phù hợp nên chấp nhận.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà K là chưa phù hợp nên không chấp nhận.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là phù hợp nên chấp nhận.

[9] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần phải huỷ bản dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự (Nay là khu vực 12) để giao hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

[10] Về án phí phúc thẩm: Bà Lê Thị N và Lê Thị B không phải chịu;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 26, khoản 1 Điều 38, khoản 3 Điều 148, khoản 3 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 48 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

*** Tuyên xử:**

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2024/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự (Nay là Khu vực 12 – Đồng Tháp).

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp giải quyết lại theo thủ tục chung.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Lê Thị B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0011871, ngày 25/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực A - Đồng Tháp).

Bà Lê Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0011872, ngày 25/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực A - Đồng Tháp).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- TAND Khu vực 12 – Đồng Tháp;
- THADS Tỉnh;
- Phòng TTKT-THA TA Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án (T).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phú Thọ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thông – Đinh Chí Tâm

Nguyễn Phú Thọ

